

Bản án số: 34/2025/HS-PT
Ngày 06-3-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang.

Các Thẩm phán: Ông Phan Ngọc Minh;
Ông Lê Quang Toại.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đại Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Huy Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 48/2025/TLPT-HS ngày 20 tháng 01 năm 2025 do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2024/HS-ST ngày 13/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị cáo có kháng cáo:

Nhan Đức H, sinh ngày 25/8/1991 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nhan Đức L và bà Dương Thị Q (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không có;

Tiền án:

Năm 2009, bị Toà án nhân dân huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn), tỉnh Quảng Nam xử phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 09/2009/HS-ST, ngày 05/3/2009, chấp hành xong hình phạt vào ngày 02/4/2010; chưa thi hành xong phần trách nhiệm dân sự;

Năm 2010, bị Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xử phạt 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Trốn khỏi nơi giam” theo Bản án số 45/2010/HSST, ngày 30/12/2010, chấp hành xong hình phạt vào ngày 12/5/2015; chưa thi hành xong phần trách nhiệm dân sự;

Năm 2016, bị Toà án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 05/2016/HS-ST,

ngày 22/3/2016, chấp hành xong hình phạt vào ngày 02/7/2019; chưa thi hành xong phần trách nhiệm dân sự;

Năm 2020, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 140/2020/HS-PT, ngày 06/7/2020; đã chấp hành xong bản án;

Nhân thân:

Năm 2003, bị Ủy ban nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng, áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số 2909/QĐ-UB, ngày 24/10/2003; chấp hành xong ngày 27/10/2005.

Năm 2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 05 (năm) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 101/2023/HS-PT ngày 21/5/2024;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2023 cho đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa

Bị hại:

1. Bà Võ Thị H1, sinh năm 1962; nơi cư trú: Đ, thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

2. Bà Đỗ Thị Thu H2, sinh năm 1989 và ông Nguyễn K, sinh năm 1979; cùng nơi cư trú: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

3. Ông Phạm Đ, sinh năm 1960 và bà Trần Thị B, sinh năm 1960; cùng nơi cư trú: 4 đường N, tổ dân phố E, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 02/10/2022 đến ngày 09/02/2023, bị cáo Nhan Đức H đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, gồm:

1. Vụ thứ nhất: Trưa ngày 02/10/2022, H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Nouvo màu sơn đỏ đen, biển số 29U5-1750 đi từ nhà trọ của H tại thành phố Đà Nẵng đến huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để tìm nhà dân nhằm đột nhập trộm cắp tài sản. Trên đường đi, H mua 01 (một) dụng cụ nhỏ đinh (Báy đinh) bằng kim loại để làm công cụ cạy cửa rồi đi đến địa bàn thôn C, xã B, huyện B thì phát hiện nhà bà Võ Thị H1 đóng cửa cổng và cửa nhà, không có người ở nhà nên H đi vào khu vực nhà bà H1, sử dụng báy đinh để cạy cửa nhà, tìm kiếm tài sản và lấy một túi vải nhỏ, loại túi có dây rút được bà H1 cất dưới đáy hộc tủ, bên trong có nhiều nhẫn vàng, H lấy trộm hết số vàng trong túi này, bỏ vào túi áo của mình rồi tẩu thoát nhưng chưa kịp ra khỏi nhà thì anh Trương

Công N (Con bà H1) đi làm về phát hiện H đang ở bên trong nhà, anh N hô hoán và tiến đến bắt giữ nhưng H tẩu thoát được.

Khi chạy bộ để tẩu thoát, H phát hiện tại nhà ông Nguyễn T (ở gần nhà bà H1) có 01 (một) chiếc xe đạp ngoài sân của cháu Ngô Thị Trâm A (là cháu ngoại ông T) nên nảy sinh ý định lấy xe này để tẩu thoát. H tiếp cận, dắt xe đạp đi một đoạn thì bị cháu A phát hiện, tri hô nên H bỏ lại xe và tiếp tục chạy bộ để rời hiện trường.

Theo Kết luận định giá tài sản số 20/KL.HĐĐG, ngày 11/3/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Bình Sơn kết luận: 01 (một) nhẫn vàng, loại vàng 9999, trọng lượng 02 (hai) chỉ giá trị 10.450.000 đồng (mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng); 01 (một) nhẫn vàng, loại vàng 9999, trọng lượng 05 (năm) chỉ giá trị 26.125.000 đồng (hai mươi sáu triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng); 04 (bốn) nhẫn vàng, loại vàng 9999, trọng lượng mỗi nhẫn 01 (một) chỉ giá trị 20.900.000 đồng (hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng); 02 (hai) nhẫn vàng, loại vàng 9999, trọng lượng mỗi nhẫn 0,5 chỉ giá trị 5.225.000 đồng (năm triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng); 01 (một) sợi dây chuyền vàng, loại vàng 9999, trọng lượng 2,5 chỉ giá trị 13.062.000 đồng (mười ba triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng); 01 (một) nhẫn vàng, loại vàng tây, trọng lượng 01 (một) chỉ giá trị 3.550.000 đồng (ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng); tổng giá trị vàng là 79.312.000 đồng (bảy mươi chín triệu ba trăm mười hai nghìn đồng).

Theo Kết luận định giá tài sản số 20/KL.HĐĐG, ngày 11/3/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Bình Sơn kết luận: 01 (một) chiếc xe đạp trị giá 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

2. Vụ thứ hai: Vào ngày 30/11/2022, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu sơn đỏ, có số khung và số máy là 01620, biển số 43H4-1447 từ nhà trọ của H ở thành phố Đà Nẵng đến huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để tìm nhà dân vùng nông thôn nhằm đột nhập trộm cắp tài sản. Trên đường đi, H mua 01 (một) cái báy đinh bằng kim loại có đặc điểm giống với báy đinh được sử dụng trong vụ thứ nhất để làm công cụ cạy cửa, nhằm đột nhập trộm cắp tài sản rồi đi đến khu dân cư thuộc xóm D, thôn P, xã B. Tại đây, H phát hiện nhà ông Võ Đình T1, bà Huỳnh Thị H3 (sau đây viết tắt là ông T1, bà H3) đóng cửa, ở khu vực vắng người, không có ai ở nhà trông coi nên H sử dụng báy đinh cạy phá cánh cửa nhà, đi vào trong nhà ông T1, bà H3 để tìm kiếm tài sản, H đưa tay vào túi áo trong áo vest của ông T1 được treo trong tủ lấy trộm toàn bộ số tiền nhét vào túi quần rồi cầm báy đinh tẩu thoát theo hướng đã đột nhập, điều khiển xe rời khỏi hiện trường để quay về lại thành phố Đà Nẵng, sau đó H đã kiểm đếm số tiền trộm cắp nêu trên được 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), H tiêu xài hết số tiền này.

3. Vụ thứ ba: Vào ngày 03/02/2023, H điều khiển xe 43H4-1447 đi từ nhà trọ của H ở thành phố Đà Nẵng đến địa bàn huyện Bình Sơn để tiếp tục tìm nhà dân nhằm đột nhập trộm cắp tài sản. Trên đường đi, H mua 01 (một) cái báy đinh bằng kim loại, có đặc điểm giống với báy đinh được sử dụng trong vụ thứ

nhất nêu trên để làm công cụ cạy cửa, nhằm đột nhập trộm cắp tài sản. Khi đến thôn P, xã B, huyện B thì H thấy nhà bà Đỗ Thị Thu H2 (sau đây viết tắt là bà H2, ông K) đóng cửa, không có ai ở nhà nên H dùng bẩy đinh có sẵn tại nhà bà H2, ông K cạy phá cửa nhà để vào nhà bà H2, H đi vào phòng ngủ, tìm kiếm tài sản để trộm cắp, phát hiện trong tủ có 01 (một) heo đất nên mang ra đập thì thấy có 06 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) và một số tiền lẻ (các tờ tiền có mệnh giá nhỏ, dưới 50.000 đồng) nên H lấy trộm 06 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), tổng cộng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), sau đó đi ra khỏi nhà bà H2, ông K và điều khiển xe 43H4-1447 tẩu thoát.

4. Vụ thứ tư: Sau khi thực hiện vụ thứ ba nêu trên, H điều khiển xe 43H4-1447 từ xã B, huyện B đến thôn Đ, xã B, huyện B để tiếp tục tìm nhà đột nhập trộm cắp tài sản. H phát hiện thấy nhà bà Phạm Thị B1, ông Bùi Thanh T2 đóng cửa, không có người trông coi nên H sử dụng bẩy đinh để cạy mở, đột nhập vào bên trong lục tìm tài sản thì phát hiện, lấy trộm được 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) gồm 04 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) trong ví da để trong túi quần jean treo trên tường phòng ngủ, ngoài ra còn sử dụng 01 (một) con dao có tại bếp nhà bà B1, ông T2 để cạy mở cửa tủ ở chân cầu thang lấy số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), sau đó H vứt lại dao ở nhà bà B1, ông T2 rồi mang theo bẩy đinh đi ra ngoài theo hướng đột nhập để lấy xe 43H4-1447 để tẩu thoát.

5. Vụ thứ năm: Sau khi thực hiện vụ thứ tư nêu trên, H tiếp tục điều khiển xe 43H4-1447 đến tổ dân phố E, thị trấn C, huyện B để tìm nhà nhằm đột nhập trộm cắp tài sản. Tại đây, H phát hiện nhà của ông Phạm Đ, bà Trần Thị B đóng cửa, không có người trông coi. H sử dụng bẩy sắt mang theo sẵn trên người để cạy mở cửa, đột nhập vào bên trong và lục tìm tài sản trong tủ quần áo, lấy một xấp tiền trong 01 (một) ví da nữ màu trắng đen và kiểm đếm được đúng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); sau đó, H tiếp tục phát hiện thấy có 01 (một) hủ nhựa tiết kiệm hình con heo và cắt ra kiểm đếm được 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Sau đó, H vứt bỏ lại dao, hủ nhựa tiết kiệm rồi mang toàn bộ số tiền trộm cắp được và bẩy kim loại leo ra ngoài bằng hướng đột nhập, điều khiển xe 43H4-1447 tẩu thoát, rời khỏi hiện trường và theo Quốc lộ 1A về thành phố Đà Nẵng tiêu xài hết số tiền này.

6. Vụ thứ sáu: Vào ngày 09/02/2023, H điều khiển xe 43H4-1447 đi từ nhà trọ đến huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để tiếp tục tìm nhà dân nhằm đột nhập trộm cắp tài sản. Trên đường đi, H mua 01 (một) cái bẩy đinh để làm công cụ cạy cửa, nhằm đột nhập trộm cắp tài sản. Khi đến thôn P, xã B thì phát hiện nhà bà Nguyễn Thị H4, ông Hồ Văn N1 đóng khóa cửa nhưng không có người trông coi nhà thì nảy sinh ý định đột nhập để trộm cắp. H sử dụng bẩy đinh để cạy cửa, vào bên trong nhà bà H3 trộm tài sản gồm: Tiền mặt là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), 01 (một) dây chuyền vàng tây có mặt dây, 01 (một) dây chuyền vàng 9999, 01 (một) vòng đeo tay vàng 9999, 01 (một) vòng đeo tay bằng ngọc màu xanh, 02 (hai) nhẫn trơn đều là vàng 9999, 01 (một) nhẫn vàng 9999 có đính viên đá màu đỏ. H bỏ tài sản vào túi quần, áo rồi leo ra ngoài theo

hướng đột nhập, lấy xe 43H4-1447 điều khiển đi về thành phố Đà Nẵng; số tiền H bán tài sản trộm cắp đã sử dụng tiêu xài cá nhân.

Theo Kết luận định giá số 33/KL.HĐĐG, ngày 06/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Sơn xác định: 01 (một) sợi dây chuyền 03 chỉ vàng tây, 11 (mười một) chỉ vàng 9999, 01 (một) kiềng đá màu xanh ngọc có gắn miếng kim loại màu vàng có giá trị 69.270.000 đồng (sáu mươi chín triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, trong giai đoạn điều tra ban đầu H còn khai nhận thực hiện các vụ trộm cắp tài sản của người khác gồm:

Ngày 02/10/2022, H trộm cắp tài sản tại nhà anh Võ Tấn S ở thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; đối với vụ này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã quyết định khởi tố vụ án hình sự số 56/QĐ-CSĐT, ngày 08/4/2023. Tuy nhiên, bị hại là anh S không hợp tác điều tra để cung cấp thông tin, tài liệu về vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Sơn đã tạm đình chỉ điều tra đối với vụ án hình sự này.

Khoảng tháng 7 đến tháng 8/2022 và khoảng tháng 2/2023, H điều khiển xe đi từ thành phố Đà Nẵng đến địa bàn tỉnh Quảng Nam sử dụng bảy nhử đinh chuẩn bị sẵn cạy phá cửa nhà, cửa tủ của nhà người khác để chiếm đoạt tài sản. Vì các vụ việc nêu trên là những thông tin về tội phạm, xảy ra trên địa bàn tỉnh Quảng Nam nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Sơn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Sơn đã có Công văn số 418/CV-CSHS, ngày 08/8/2023 chuyển thông tin về 02 vụ trộm cắp tài sản nêu trên đến Phòng C1 Công an tỉnh Quảng Ngãi để kiểm tra, rà soát và thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2024/HS-ST ngày 13/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi:

Tuyên bố bị cáo Nhan Đức H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm b, g, h, i khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nhan Đức H 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017, tổng hợp hình phạt 05 (năm) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2023/HSST ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, Bản án hình sự phúc thẩm số 101/2023/HS-PT ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và hình phạt của bản án này, buộc bị cáo Nhan Đức H phải chấp hành chung hình phạt là 12 (mười hai) năm 09 (chín) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 13/3/2023).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên về phần biện pháp tư pháp; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 16/12/2024; biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn và bị cáo để làm rõ nội dung kháng cáo của bị cáo thì bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bị cáo ở khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự vì tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trong vụ án chỉ thuộc khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội đối với người dưới 16 tuổi.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nhan Đức H về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với nội dung bị cáo kháng cáo đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi*” là có căn cứ vì bị hại chưa đủ tuổi để được xác lập quyền sở hữu tài sản. Bị cáo có nhân thân xấu nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và xử phạt bị cáo 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2024/HS-ST ngày 13/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi về phân hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi của bị cáo:

Từ ngày 02/10/2022 đến ngày 09/02/2023, bị cáo H đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi với cùng phương thức, thủ đoạn là điều khiển xe mô tô đi từ nhà trọ của H tại thành phố Đà Nẵng đến huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi để tìm kiếm nhà của người khác không có ai trông coi, sử dụng bẫy nhỏ định để cạy cửa đột nhập vào nhà, lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại có giá trị tổng cộng là 223.082.000đồng, trong đó: Ngày 02/10/2022 chiếm đoạt của bà Võ Thị H1 14,5 chỉ vàng 9999 và 01 chỉ vàng tây có tổng trị giá 79.312.000 đồng và chiếm đoạt của cháu Ngô Thị Trâm A 01 xe đạp trị giá 400.000 đồng; ngày 30/11/2022 chiếm đoạt của ông Võ Đình T1, bà Huỳnh Thị H3 số tiền 20.000.000 đồng; trong ngày 03/02/2023 chiếm đoạt của bà Đỗ Thị Thu H2, ông Nguyễn K số tiền 3.000.000 đồng, chiếm đoạt của bà Phạm Thị B1, ông Bùi Thanh T2 số tiền 10.800.000 đồng, chiếm đoạt của ông Phạm Đ, bà Trần Thị B số tiền 10.300.000 đồng; ngày 09/02/2023 chiếm đoạt của ông Hồ Văn N1, bà Nguyễn Thị H4 số tiền 30.000.000 đồng và

01 sợi dây chuyền 03 chỉ vàng tây, 11 chỉ vàng 9999, 01 kiềng đá màu xanh ngọc có gắn miếng kim loại màu vàng trị giá 69.270.000 đồng.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xét xử bị cáo ở khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự vì tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trong vụ án chỉ thuộc khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; tại giai đoạn sơ thẩm, bị cáo cho rằng trong vụ thứ nhất (tại nhà bà H1) thì bị cáo không có chiếm đoạt chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 9999 mà chỉ có 02 chỉ vàng 97%; vụ thứ 3 (tại bà H2) thì bị cáo chỉ chiếm đoạt số tiền 800.000 đồng, không phải là số tiền 3.000.000 đồng và vụ thứ 5 (tại nhà ông Đ) thì không phải do bị cáo thực hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai trong vụ thứ 6 (tại nhà bà H4), bị cáo chỉ trộm cắp số tiền 25.000.000 đồng và nhẫn vàng.

Theo các bản tự khai, tường trình của bị cáo, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can (Từ bút lục 541 đến bút lục số 602), các biên bản làm việc về việc xác nhận hiện trường (Bút lục 225, 341, 342, 344, 345, 346), biên bản xác nhận hình ảnh thu được từ camera ghi hình ghi nhận hình ảnh bị cáo H tại hiện trường (Từ bút lục 227 đến 229) và các tài liệu khác thì bị cáo H đã thừa nhận bị cáo H đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản như cấp sơ thẩm đã kết luận;

Đối với vụ thứ 5, bị cáo cho rằng bị cáo không thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 12/3/2023 (Bút lục 562), bị cáo tự viết lời khai thể hiện bị cáo thực hiện vụ trộm cắp thứ 5; tại biên bản hỏi cung ngày 29/6/2023 (Bút lục 595, 596) bị cáo khai cụ thể như sau: *“Sau khi trộm cắp tài sản là sấp tiền 200.000đ tại nhà dân thứ 2, tôi tiếp tục điều khiển xe đi trên các đường bê tông để vào hướng Nam, tìm nhà trộm cắp tài sản. Tôi đi qua cầu C rồi đi vào một xóm đông dân cư, tại đây tôi phát hiện nhà một người dân đóng cổng, cửa không có người ở nhà. Do đó, tôi điều khiển xe để lại ở gần hàng rào lưới B40 phía sau nhà. Tôi leo qua hàng rào vào trong hiên nhà theo hướng cửa sau. Tôi dùng búa đinh búa phá mở cửa. Tôi vào trong nhà thì thấy cửa buồng ngủ không đóng, nhưng nhà thiếu ánh sáng nên tôi bật điện trong buồng lên. Tiếp đó, tôi dùng tay mở cửa tủ ở phòng ngủ lục tìm tài sản, tôi lấy 01 sấp tiền Polime bên trong ví nữ màu trắng, đen trong tủ. Tôi còn thấy bên trong tủ có 01 con heo nhựa màu đỏ. Tôi mang con heo xuống nhà dưới và lấy một con dao có ở trong nhà, cắt đứt ngang một đường ở vùng bụng con heo lấy tất cả tiền ở bên trong”*. Xét thấy, lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và đúng sự thật, lời khai này của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, lời khai những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo H thay đổi lời khai với lý do bị cáo thấy khung hình phạt bị kết luận điều tra, truy tố và xét xử cao so với khung hình phạt bị khởi tố nên bị cáo mới nhớ lại, khai chính xác lại các vụ án đã thực hiện là không có căn cứ chấp nhận.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo

Nhan Đức H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi” cho bị cáo:

Tại vụ thứ nhất (Nhà bà H1), trong quá trình tẩu thoát, bị cáo H phát hiện có 01 chiếc xe đạp ngoài sân của cháu Ngô Thị Trâm A nên nảy sinh ý định lấy xe này để tẩu thoát. H tiếp cận, dắt xe đạp đi một đoạn thì bị cháu A phát hiện, tri hô nên H bỏ lại xe và tiếp tục chạy bộ để rời xa hiện trường. Hành vi của bị cáo là lên lút xâm phạm đến tài sản của người khác, bị cáo không biết bị hại là ai, không tiếp cận bị hại là người dưới 16 tuổi.

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi” cho bị cáo là không phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi” cho bị cáo.

Tuy nhiên, bị cáo từng nhiều lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”, thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, bị cáo liên tục thay đổi lời khai có lợi cho bị cáo, việc thay đổi lời khai của bị cáo mâu thuẫn với chính lời khai ban đầu của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù là phù hợp nên Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị cáo Nhan Đức H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nhan Đức H. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2024/HS-ST ngày 13/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi về phần áp dụng pháp luật đối với bị cáo.

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm b, g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nhan Đức H 07 (Bảy) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017, tổng hợp hình phạt 05 (Năm) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 101/2023/HS-PT ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, buộc bị cáo Nhan Đức H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 12 (Mười hai) năm 09 (Chín) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 13/3/2023).

2. Về án phí: Bị cáo Nhan Đức H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Mỹ Giang